nà yàng

那样

Pronoun · that kind

Example Sentences

bú yào zhǐ tīng yí miàn zhī cí nà yàng huì dé chū piàn miàn de jié lùn
不要只听一面之词，那样会得出片面的结论。

Don't just listen to one side of the story, as that will lead to a biased conclusion.

nà duàn lì shǐ bìng bú xiàng chuán shuō zhōng nà yàng huī huáng càn làn
那段历史并不像传说中那样辉煌灿烂。

That period of history was not as splendid and brilliant as the legends say.

nà dòng dà shà de zū jīn bìng bú xiàng chuán wén zhōng nà yàng lìng rén wàng ér què bù
那栋大厦的租金并不像传闻中那样令人望而却步。

The rent for that building is not as prohibitively expensive as rumored.
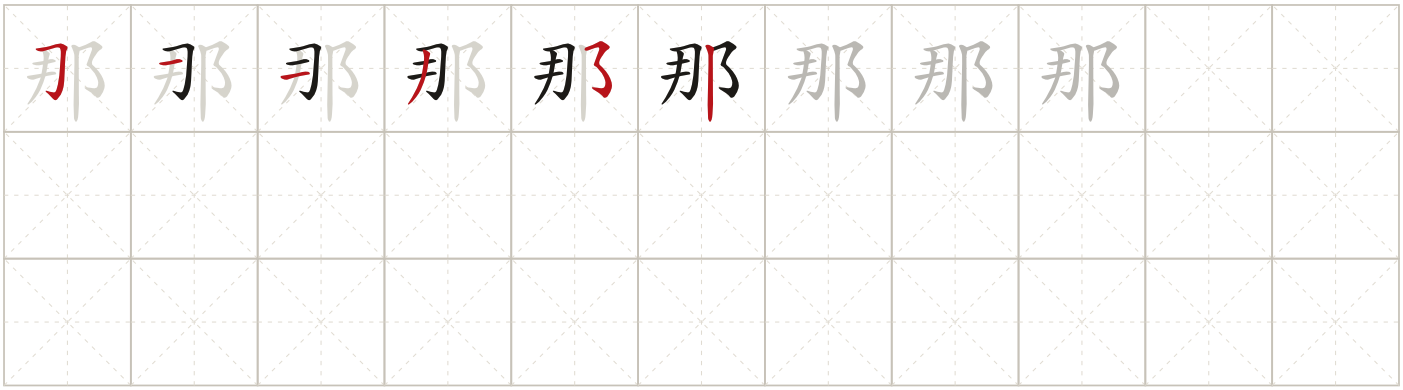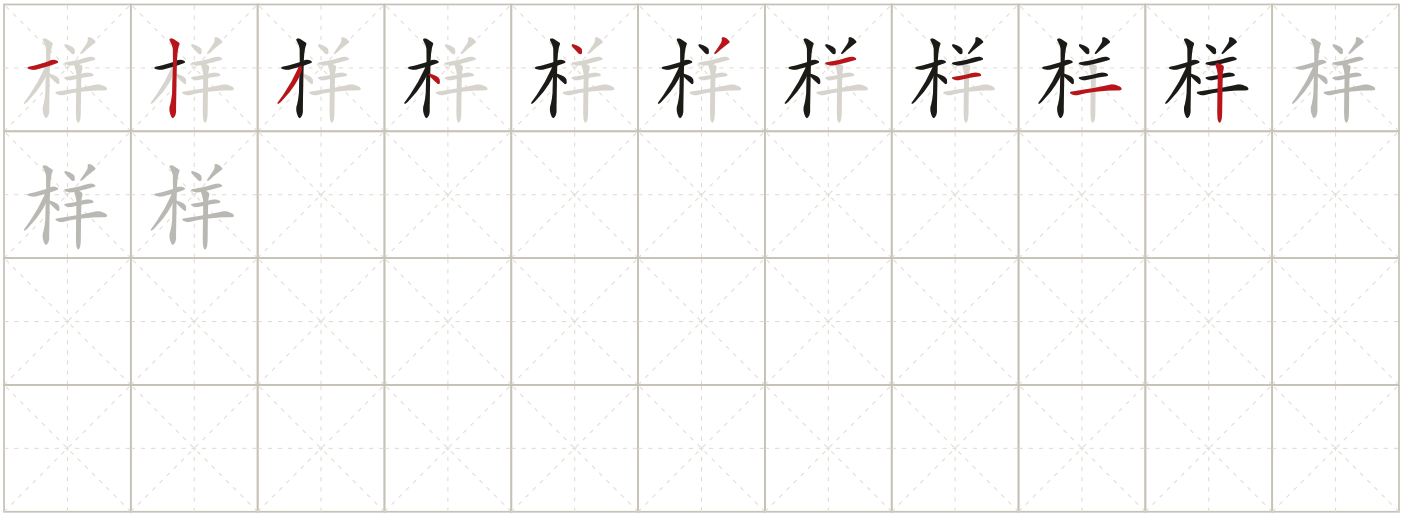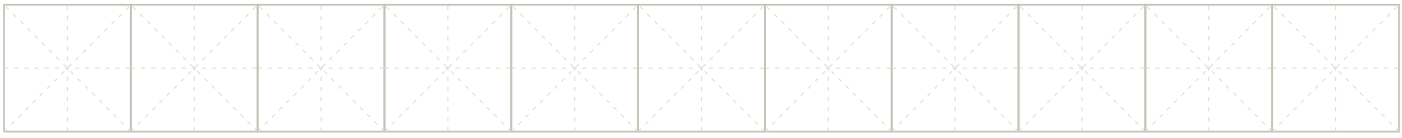
Trace each character, then write the word on your own.